**Mẫu số 03**

*(Kèm theo Công văn số 905/TCT ngày 29/3/2020 của Tổ công tác)*

**PHỤ LỤC CHI TIẾT**

**Văn bản quy phạm pháp luật ..........................[[1]](#footnote-1)**

**có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập,**

**không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển**

**A. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH MÂU THUẪN, CHỒNG CHÉO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản được rà soát[[2]](#footnote-2)** | **Phân tích quy định mâu thuẫn, chồng chéo**  | **Phương án xử lý** |
| I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI[[3]](#footnote-3) |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| VI. THÔNG TƯ |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| VII. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |

**B. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ QUY ĐỊNH BẤT CẬP, KHÔNG PHÙ HỢP THỰC TIỄN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản được rà soát[[4]](#footnote-4)** | **Phân tích quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn**  | **Phương án xử lý** |
| I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI[[5]](#footnote-5) |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| VI. THÔNG TƯ |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |
| VII. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC |
| 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| … |  |  |  |

1. Ghi tên chuyên đề/lĩnh vực quy định pháp luật được rà soát theo Quyết định số 823/QĐ-TCT về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật [↑](#footnote-ref-1)
2. Sắp xếp theo tiêu chí: Thứ tự văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đến văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn; thứ tự thời gian ban hành văn bản từ văn bản được ban hành trước đến văn bản được ban hành sau. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tiêu chí sắp xếp có thể thay đổi tùy thuộc vào yêu cầu rà soát của Nhóm (ví dụ, có thể sắp xếp văn bản theo nhóm vấn đề, lĩnh vực văn bản điều chỉnh). [↑](#footnote-ref-3)
4. Sắp xếp theo tiêu chí: Thứ tự văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đến văn bản có hiệu lực pháp lý thấp hơn; thứ tự thời gian ban hành văn bản từ văn bản được ban hành trước đến văn bản được ban hành sau. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tiêu chí sắp xếp có thể thay đổi tùy thuộc vào yêu cầu rà soát của Nhóm (ví dụ, có thể sắp xếp văn bản theo nhóm vấn đề, lĩnh vực văn bản điều chỉnh). [↑](#footnote-ref-5)